

# GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

ThS. TRỊNH THỊ ANH HOA  
Trung tâm Nghiên cứu Quản lý Giáo dục

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày tổng quan về tình hình giáo dục (GD) trung học cơ sở (THCS) của một số nước trên thế giới thông qua việc tìm hiểu về hệ thống, mục tiêu, tổ chức, chương trình GD THCS của 16 nước thuộc 4 châu: Châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc; Singapore); Châu Úc (Úc, New Zealand); Châu Âu, Đông Âu và vùng Scandinavia (Vương Quốc Anh, Pháp, Hungary, Đức, Hà Lan, Italia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sỹ); và Bắc Mỹ (Mỹ, Canada).

## 1. Đặc điểm GD THCS

GD THCS có một vị trí quan trọng trong hệ thống GD quốc dân và trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Bậc THCS phần lớn dành cho học sinh từ 11-14 tuổi như Anh, Pháp, Italia và 1 số khu vực của các nước khác. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện kinh tế xã hội của mỗi nước, thậm chí mỗi bang /vùng trong một nước bậc THCS có thể bắt đầu sớm hơn hoặc muộn hơn 11 tuổi như 1 số khu vực của Đức, Thụy Sĩ, Hungary, học sinh bắt đầu học THCS từ 10 tuổi; Nhật Bản, Tây Ban Nha, Hàn Quốc, Hà Lan, Singapore, Mỹ bắt đầu từ 12 tuổi; Úc, Canada, New Zealand bắt đầu từ 13 tuổi.

GDTHCS được coi là bậc học phổ cập của nhiều nước trên thế giới. 14 nước trong tổng số 16 nước được nghiên cứu, phổ cập GD THCS là phổ cập GD cưỡng bức trừ 2 nước Singapore và Hàn Quốc. Ở Singapore, độ tuổi phổ cập GD từ 6-16 tuổi nhưng không phải là bắt buộc, Hàn Quốc phổ cập GD từ 6-12 tuổi nhưng không có nghĩa là phải hoàn thành bậc THCS. Trong 14 nước, GD phổ cập thường bắt đầu từ 6 tuổi (riêng Anh, Hà Lan, Thụy Điển, một số bang của Canada, Mỹ, Thụy Sĩ bắt đầu từ 5 tuổi) đến khoảng 16 tuổi. Ở Nhật Bản và Italia, phổ cập GD bắt buộc đến 15 tuổi.

Ở Úc, Canada, Đức, Thụy Sĩ phổ cập GD bắt buộc đến 15-16 tuổi đối với học sinh học chính quy/ toàn phần (full-time), Hà Lan, Đức đến 17-18 tuổi đối với học sinh học không chính quy/bán phần (part-time).

## 2. Mục tiêu của GD THCS

Mục tiêu bậc học THCS được tìm hiểu theo hai khía cạnh: mục tiêu phát triển (chung và cá nhân) và mục tiêu về giá trị văn hóa, xã hội.

### 2.1. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu chung của GD THCS phản ánh mục tiêu của quốc gia về GD. Mục tiêu GD THCS của Pháp là đảm bảo ít nhất 80% học sinh có bằng tú tài. Một trong những mục tiêu của GD THCS là đảm bảo rằng phần lớn học sinh tốt nghiệp THCS đều có thể vào THPT. GD THCS của Pháp đảm bảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản để học sinh có khả năng tham dự vào các cơ hội GD ngay sau khi hoàn thành xong bậc học phổ cập. Một trong mục tiêu GD THCS của Tây Ban Nha là chuẩn bị nguồn nhân lực. Trong khi đó mục tiêu GD THCS của Hungary lại tập trung vào chuẩn bị cho học sinh thi tốt nghiệp THCS. Mục tiêu GD quốc gia của một số nước (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore) là GD đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho học sinh đáp ứng với những yêu cầu và thách thức của thế kỷ 21.

Một số nước khác tập trung vào mục tiêu phát triển cá nhân, ví dụ, mục tiêu GD THCS của Hà Lan là phát triển toàn diện học sinh thông qua việc trang bị kiến thức, kỹ năng. Một trong mục tiêu của GD THCS của Italia là GD vì sự trưởng thành; Thụy Điển có mục đích GD THCS là cung cấp cho học sinh kiến thức, kỹ năng để trở thành công dân có trách nhiệm trong xã hội. Mục tiêu GD THCS ở Tây Ban Nha là đào tạo thế hệ trẻ có trách nhiệm và có hiểu biết và biết



vận dụng quyền con người. Mục tiêu GD THCS của Nhật Bản, Hàn Quốc là đào tạo những công dân sáng tạo phát triển toàn diện, có đạo đức, có kiến thức và kỹ năng về văn hóa, khoa học, xã hội, đồng thời khỏe về thể chất; khỏe và tinh thần có tinh thần tự lực và trở thành người chủ đất nước trong thế kỷ 21.

Mục tiêu GD THCS của Mỹ là GD cho học sinh những gì cần thiết để các em phát triển tiềm năng theo nguyện vọng, biết hành xử như một công dân đồng thời chuẩn bị cho lực lượng lao động trong tương lai.

### **2.2. Mục tiêu về giá trị văn hóa xã hội**

GD giá trị văn hóa, xã hội, dân tộc, quốc gia được coi là một phần trong cải cách GD của 16 nước này. Điều này phản ánh tầm quan trọng của việc chuẩn bị cả về mặt cá nhân, mặt xã hội để đáp ứng với những thách thức và những thay đổi của thiên niên kỷ mới. Giá trị văn hóa xã hội được đưa vào chương trình các môn học ở các nước. Ở Vương Quốc Anh, GD giá trị còn trở thành môn được Luật pháp quy định từ năm 2002.

Các giá trị văn hóa và xã hội cũng được phản ánh trong mục tiêu GD của một số nước. Singapore và Thụy Điển là 2 nước mà những mục tiêu dân tộc được phản ánh trong mục tiêu của GD THCS. Ở Singapore, một trong những vấn đề đất nước, dân tộc được phản ánh trong mục tiêu GD THCS là phải dạy cho học sinh biết về đất nước (phát triển từ bậc tiểu học dạy cho học sinh biết yêu đất nước, đến THPT phải dạy cho học sinh biết lãnh đạo (lead) đất nước). Ở Thụy Điển, giá trị về dân chủ được coi là một trong những mục tiêu GD của THCS. Những giá trị này được đưa vào trường học, bởi vì trường học ngày càng phải đổi mới với nạn bạo lực và phân biệt chủng tộc trong cả nhà trường và ngoài xã hội. Hệ thống GD Thụy Điển đề ra mục tiêu GD vì xã hội hiện đại, và sống trong môi trường đa văn hóa.

Trong chương trình học của Canada có GD việc ngăn cản bạo lực trong trường học. GD Hà Lan nhấn mạnh ngăn cản bạo lực trong GD giá trị. Tương tự như vậy, một số nội dung chương trình GD Nhật Bản bị giảm bớt tuy nhiên GD đạo đức là môn duy nhất không bị giảm tải mà còn tăng thêm phần GD về bạo lực trong lứa tuổi vị

thành niên và những vấn đề liên quan khác.

Một trong những mục tiêu GD THCS của Nhật Bản là GD cho học sinh biết tôn trọng nhân quyền, yêu lao động và có ý thức trách nhiệm với gia đình, xã hội, đất nước, yêu chuộng sự thật, hòa bình và có tinh thần tự lực đồng thời chuẩn bị cho học sinh cả về cơ hội, phẩm chất và kinh nghiệm của cuộc sống

### **3. Nhiệm vụ của GD THCS**

THCS là cấp học chuyển tiếp từ tiểu học lên THPT. THCS là cấp học đầu tiên của bậc trung học với nhiệm vụ chủ yếu là: "giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của GD tiểu học, có trình độ học vấn phổ thông cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT, THCN, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động". Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới coi THCS là một bộ phận của GD cơ sở (basic education) và là trình độ tối thiểu để một cá nhân có thể tham gia vào cuộc sống xã hội.

### **4. Về chương trình và môn học**

#### **4.1. Quản lý chương trình**

Mỗi chương trình của một cấp học đều mang tính mềm dẻo phù hợp với địa phương và cá nhân học sinh. Ở một số nước, chương trình môn học bao gồm các mục tiêu cá nhân và mục tiêu của nhà trường (Ví dụ: Pháp, Italia, Singapore). Một số nước có chương trình quốc gia (New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha). Ở một số nước, mỗi bang có một chương trình riêng như Mỹ, Úc, Đức, Canada, Thụy Sĩ. Xu hướng trong những năm xây dựng chương trình dần được chuyển giao cho địa phương hoặc trường như Thụy Điển, Hungary. Khi giao quyền xây dựng chương trình cho địa phương sẽ tăng tính tự chủ cho địa phương và nhà trường, đáp ứng được nhu cầu học sinh. Tuy nhiên, có thể sẽ dẫn đến có quá nhiều chương trình trong một nước và không đảm bảo tính công bằng. Hà Lan đã khắc phục vấn đề này qua việc xây dựng chuẩn kiến thức để đảm bảo sự công bằng cho tất cả học sinh trong cả nước.

#### **4.2. Về nội dung chương trình môn học**

Mặc dù có rất nhiều điểm giống nhau về nội



dung, chương trình song số lượng môn học rất khác nhau ở các nước, từ 3 môn như Thụy Điển (Tiếng Thụy Điển, Tiếng Anh, Toán) đến 15 môn phải học ở THCS như Pháp (Tiếng Pháp; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Địa lí; GD công dân; Khoa học; Cuộc sống; Trái đất; Vật lí; Hóa học; Sinh học; Kinh tế; GD nghệ thuật và Thể thao). Đa số chương trình học ở THCS bao gồm các môn sau: Tiếng mẹ đẻ; Ngoại ngữ; Toán học, Khoa học, Môi trường, GD công nghệ, Tin học, Lịch sử; Địa lí; Nghệ thuật; Âm Nhạc/nhảy, Sức khỏe, GD công dân, GD xã hội/kĩ năng sống/sức khỏe sinh sản; Kĩ thuật thực hành/ kinh tế gia đình. Ngoài ra, một số nước còn học sinh còn học tiếng bản ngữ như Hungary, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ; Úc; Canada, Hàn Quốc, New Zealand, Singapore; một số nước còn học ngoại ngữ 2, 3 như Anh, Pháp, Hungary, Hà Lan, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ; Úc; Canada, Hàn Quốc, New Zealand, Singapore, Mỹ; Ở một số nước, học sinh còn được GD nghề nghiệp như Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Singapore, Mỹ.

Bên cạnh các môn học bắt buộc, học sinh được học các môn học tự chọn. Các môn học tự chọn ở mỗi bang/địa phương, mỗi nước cũng rất khác nhau. Riêng Italia không có môn học tự chọn mặc dù học sinh được chọn học GD tôn giáo. 15 nước còn lại môn học tự chọn tùy theo từng khối lớp, thường là môn ngoại ngữ, nghệ thuật (hội họa, đồ gốm, âm nhạc, thiết kế thời trang); thức ăn và dinh dưỡng, thương mại, tôn giáo và môn công nghệ hoặc kĩ thuật. Một số nước giới hạn số lượng học sinh học các môn tự chọn ở cấp THCS như Đức, Hungary; một số nước học tự chọn vào năm thứ 2 hoặc năm thứ 3 của bậc THCS như Úc, Pháp, Nhật Bản và Tây Ban Nha. Học sinh thường học các môn tự chọn trung bình khoảng 8-10 tiết/tuần, mỗi tiết khoảng 40 phút...

## 5. Quản lý và tổ chức dạy học

### 5.1. Về thời gian học

Thời gian học của các trường THCS thường kéo dài hơn so với bậc tiểu học. Phần lớn các trường THCS của 15 nước trung bình học từ 28-35 tuần/năm và khoảng 30 giờ/1 tuần (5 ngày). Anh, Pháp là hai nước có số giờ học của học sinh THCS dưới 30 giờ; Hàn Quốc, Nhật

Bản học sinh học 45 giờ (học trong 5.5 ngày)

Phần lớn học sinh THCS các nước học từ sáng đến chiều, trừ Singapore và Đức. Hai nước này học sinh học 2 ca. Thời gian học ca 1 thường bắt đầu từ 7.30 đến 13 giờ; ca 2 bắt đầu từ 13 giờ đến 18.30 giờ. Tùy theo từng trường và từng nước, học sinh dành thời gian cho làm bài tập về nhà nhiều hay ít. Học sinh THCS của Thụy Sĩ dành thời gian cho làm bài tập về nhà ít nhất 4 giờ/tuần, riêng ở Hàn Quốc, học sinh THCS phải dành 2 tiếng mỗi tối cho việc làm bài tập

Một năm học thường chia thành 2 kì; riêng Hungary, Canda, Hàn Quốc; Nhật Bản chia làm 3 kì; Úc, New Zealand và Singapore chia thành 4 kì. Đa số các nước khai giảng năm học mới vào cuối tháng 8 hoặc đầu tháng 9 một số nước khai giảng vào tháng 1 như Úc, New Zealand; Hàn Quốc, Nhật Bản vào tháng 4.

Hầu hết học sinh khi đến trường đều phải mặc đồng phục, các em được dạy luôn có ý thức giữ gìn trường lớp sạch sẽ. Lớp học thường dành một góc để các em tự trang trí và trưng bày các sản phẩm của mình. Các em được phân công vệ sinh lớp học từ trước giờ học, sau giờ ăn trưa và sau khi tan học (Nhật Bản).

### 5.2. Về phương pháp giảng dạy

Trong giờ học, giáo viên sử dụng phương pháp giảng dạy tương tác, thường đặt ra rất nhiều câu hỏi để học sinh có thể thảo luận, trao đổi và chia sẻ kiến thức, kĩ năng với nhau. Mặc dù có xu hướng áp dụng phương pháp giảng dạy mới trong dạy học nhưng các phương pháp truyền thống vẫn được các giáo viên sử dụng thường xuyên.

Bên cạnh đó, giáo viên thường xuyên sử dụng các phương tiện hiện đại hỗ trợ cho các bài giảng của mình

### 5.3. Về hoạt động ngoại khóa

Sau học chính khóa từ 3.30-5h chiều, các em được khuyến khích tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, âm nhạc, thể dục. Phần lớn học sinh THCS đều thích tham dự các câu lạc bộ ở trường vì có cơ hội gặp gỡ bạn bè. Sau đó, nhiều học sinh (Nhật Bản, Hàn Quốc) tham gia các lớp học thêm buổi tối (thường học thêm Toán, Ngoại ngữ).



#### 5.4. Về quản lý học sinh

Học sinh THCS của các nước thường học cả ngày tại trường. Mỗi phòng học dành cho 1 lớp, trừ những tiết học trên phòng thí nghiệm. Mỗi tiết học, học sinh được nghỉ giữa giờ 10 phút, 1 giờ cho bữa trưa. Bữa ăn trưa có thể ăn tại căng tin hoặc có thể mang từ nhà. Ở Nhật Bản, học sinh THCS học bán trú tại trường, các em ăn trưa tại lớp. Phần lớn học sinh ăn trưa do nhà trường nấu. Thực ăn trưa thường có thịt, súp, sữa và bánh mì hoặc cơm, một số học sinh có thể ăn bánh sandwiches. Sau khi ăn trưa, học sinh phải làm vệ sinh lớp học như: Lau bàn và ghế và quét sạch sàn nhà. Giữ vệ sinh trường lớp là thói quen của tất cả học sinh Nhật Bản. Học sinh Nhật Bản luôn giữ gìn trường lớp sạch sẽ. Đến trường các em đều thay giày và đi bằng dép đi trong trường. Khi ra khỏi trường các em phải thay bằng giày hoặc dép khác.

### 6. Các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên

#### 6.1. Về cơ sở vật chất

Phần lớn các trường học đều có hệ thống phương tiện chăm sóc sức khỏe cho học sinh học. Các điều kiện về GD thể chất đều tốt: hầu hết các trường THCS đều có sân thể thao, có nhà thể chất và có bể bơi để phục vụ cho học sinh học và hoạt động cả ngày tại trường.

Đa số các trường THCS của các nước cũng đều có các phòng chức năng: phòng học âm nhạc được trang bị đầy đủ các dụng cụ âm nhạc, phòng mĩ thuật được trang bị đầy đủ các đồ dùng, thiết bị dạy học mĩ thuật, các phòng chức năng đều được trang trí các sản phẩm và hình ảnh của học sinh trong trường. Các trường THCS đều có thư viện được trang bị sách, truyện và các tư liệu tham khảo. Thư viện được mở để phục vụ học sinh, đặc biệt sau giờ học các em có thể đến để tìm tài liệu và đọc truyện...

#### 6.2. Về đội ngũ giáo viên

Giáo viên có thể được đào tạo để dạy 1-2 môn ở bậc THCS. Họ được đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng sư phạm. Do đó, họ có thể dạy được từ 1 - đến 2 môn. Phần lớn giáo viên tốt nghiệp đại học. Giáo viên trung bình làm việc 5 ngày trong tuần trừ ngày lễ tết.

Mặc dù đã có hướng dẫn chương trình môn học nhưng giáo viên đều được tự do lựa chọn phương pháp dạy học cho phù hợp với nội dung của từng bài. Nhiều giáo viên đã sử dụng các phương tiện hiện đại (máy chiếu, vô tuyến, đài và phòng thí nghiệm...) để hỗ trợ giảng bài (Anh, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản...), đồng thời khuyến khích sự tham gia của học sinh thông qua việc thảo luận nhóm (Singapore, Thụy Điển, Thụy Sĩ) và tăng cường học qua hoạt động (Hà Lan). Chiến lược dạy và học tập trung vào người học (Hà Lan) hoặc chuyển hướng từ "giáo viên là trung tâm" sang phương pháp "chuyện trò và trao đổi" ("chalk and talk") hướng sự tham gia của học sinh vào bài giảng. Một trong những chiến lược hiện nay của các nước là thúc đẩy môi trường học tập có hiệu quả, trong đó học sinh chính là người tích cực tham gia vào các hoạt động

Hầu hết các trường đều có phòng máy tính phục vụ cho học sinh và cho công tác quản lý. Tổ chức lớp học thường theo nhóm nhỏ. Hàng ngày học sinh tự quản lớp học của mình. Tất cả giáo viên các trường công lập đều được trả lương. Lương của giáo viên bao gồm tiền chăm sóc sức khỏe, tiền thai sản, tiền nghỉ ốm, tiền giảng dạy ...

### III. Kết luận

Như vậy, tùy thuộc vào trình độ kinh tế- xã hội và truyền thống văn hóa GD mà mỗi nước có những điểm khác nhau về mục tiêu, phân chia thời gian các bậc học, chương trình và nội dung các môn học.

Ở 16 nước, số năm học THCS thường là 3 hoặc 4 năm. Đa số học sinh THCS ở các nước đều học cả ngày ở trường trừ Singapore và Đức. Số tuần học/năm từ 28 đến 45 tuần. Việt Nam là một trong số ít nước học từ 35 tuần trở xuống. Thời gian học trong ngày phần lớn là từ 5 đến 6 giờ, nghĩa là từ 250 đến 300 phút. Chương trình THCS của các nước thường có từ 7 đến 10 môn. Một số nước phân chia thành môn cốt lõi (Tiếng mẹ đẻ, Ngoại Ngữ, Toán) và môn nền tảng (các môn còn lại). GV được đào tạo để có thể dạy từ 1-2 môn. Giáo viên biết sử dụng các phương pháp dạy học mới, phương



tiện hiện đại để trợ giúp cho việc giảng dạy. Đa số các nước đều có môn học tự chọn trừ Italia. Môn học tự chọn là các môn như Ngoại ngữ, Nghệ thuật, Kỹ thuật... Phần lớn giáo viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy mới với việc hỗ trợ của các phương tiện giảng dạy như (máy chiếu, vô tuyến, đài và phòng thí nghiệm) để khuyến khích sự tích cực tham gia của học sinh vào bài giảng.

Nhìn chung, GD THCS các nước đã và đang theo hướng hiện đại hóa, hội nhập với xu thế phát triển chung của thế giới nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác phát triển GD và kinh tế - xã hội giữa các nước. GD THCS của Việt Nam cần được tiếp tục đổi mới và hoàn thiện để ngày càng đáp ứng với nhu cầu hội nhập quốc tế.

## Bản chất của...

(Tiếp theo trang 56)

sinh. Charter Schools có thuận lợi là có quyền tự chủ tương đối cao so với các trường phổ thông công lập truyền thống. Thực tế, Charter Schools được trao nhiều quyền tự chủ cho giáo viên và học sinh trong việc ra quyết định, thay vì phải tuân thủ các qui định, Charter Schools chịu trách nhiệm với kết quả học tập và được phê chuẩn trong các Charter/hợp đồng. Quyền tự chủ trao cho Charter Schools tạo ra các thế mạnh cho nhà trường, như: có thể theo đuổi các hình thức dạy, thử nghiệm mới và tìm ra các cách tốt nhất để tiếp cận với học sinh; và tránh được vô số các quy định của chính phủ và sự can thiệp của các quan chức địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó, Charter Schools có những hạn chế như coi GD như là một sản phẩm, chi phí đi lại và thông tin hạn chế có thể cản trở học sinh thiệt thời/khuyết tật nhập học vào Charter schools.

Charter School là cách tiếp cận cho thấy có nhiều hứa hẹn, nhưng để có được những kết quả chính xác về những thế mạnh và hạn chế của mô hình này cần phải có thêm thời gian và đặc biệt cần có các đánh giá sâu sắc và toàn diện hơn. Và cũng cần lưu ý rằng GD không

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Vũ Ngọc Hải, *Hệ thống GD hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB GD, 2003
2. World data on education, 5<sup>th</sup> ED, 2003
3. <http://www.Inca..org.uk>
4. <http://www.moe.go.kr/en/down/edu-ko-bc2.pdf>
5. [www.\[school name\].moe.edu.sg](http://www.[school name].moe.edu.sg)

## SUMMARY

*This article overviews lower secondary education in some countries through the study of system, objectives, organization, program from 16 countries in 4 continents: Asia (Japan, Korea, Singapore), Oceania (Australia, New Zealand); Europe (UK, France, Hungary, Germany, Netherlands, Italia, Spain, Sweden, Switzerland) and North America (US and Canada).*

phải là cái mà thị trường tự do có thể xử lý tốt và cũng không ai dựa vào thị trường để cung cấp dịch vụ GD... Vì vậy, cần phải biết phát huy những thế mạnh và khắc phục các hạn chế của các mô hình thì mới có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả GD.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Advanced Science and Technology Education Center, Inc. <http://www.astec-inc.org>
2. Charter School Law (<http://www.charterschoollaw.com>)
3. Chen, Grace (2007), *What is a Charter School? Public School Review*
4. The Centre for Education Reform (2008), *Annual Survey Of Ameriac's Charter Schools*
5. The Center for Education Reform (<http://www.edreform.com/index.cfm>)
6. US Charter Schools (<http://www.uscharterschools.org>).

## SUMMARY

*From the history and development of Charter Schools the author analyses the nature of these schools: concepts, management and operation modus, characteristics (students, time, quality, education environment and community character) as well as pros and cons of the Charter schools in the current education system.*